

## TÔNG CẢNH LỤC

## QUYỂN 42

Hỏi: Phàm Đại thừa viên đốn thức trí đều mất, cơ sao bèn thuật nhân duyên và luận về nhân quả?

Đáp: Trong kinh nói: “Tin sâu vào Đại thừa chẳng phỉ báng nhân quả”. Lại nói: “Vào sâu lý duyên khởi, đoạn các tà kiến”. Phàm, yếu chỉ của Duy thức chẳng vượt ngoài nhân quả. Tướng chánh nhân là do thức biến vậy. Các pháp được sinh lấy thức làm nhân, tướng chánh quả là do chủng thức sinh các quả phân biệt và quả phân vị của dị thực v.v... của pháp thể. Do đó, trên đến chư Phật, dưới khắp tất cả chúng sinh đều gồm thâu ở nhân quả, sao được bài bác không đọa lạc các lưới tà? Chỉ vì tất cả ngoại đạo không thấu đạt duyên sinh, chỉ chấp tự nhiên bác bỏ không nhân quả. Hàng Nhị thừa chột mắt chỉ chứng thiên không, diệt trí tàn thân xa lìa nhân quả, thế gian nghiệp buộc không nghe, phàm phu lửa năm dục thiêu đốt chấp trước nhân quả, tất cả đều thành hiểu sai cuồng, chẳng rõ viên thường, đều trái với muôn pháp giới duyên khởi, đều mê mờ yếu chỉ Bát-nhã vô sinh. Nay luận bàn về nhân quả là chỉ lấy thật tướng làm nhân trở lại dùng thật tướng làm quả, chỉ rõ nhất tâm bình đẳng vậy, trọn chẳng làm thấy của trước sau đồng thời, nếu năng tin vào nhất tâm như vậy đều thành viên mãn diệu quả. Như trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: “Ngón tay dài tốt lành, người thấy là vui mừng, không gì chẳng lợi lành”. Đây đều là báo của nhất tâm. Lại nói: “Diễn bày quang minh đó, không đâu chẳng chiếu, nhiều nơi an ổn là báo của nhất tâm”. Lại nói: “Oai quang cao vợi không thấy tướng đánh đầu là báo của nhất tâm”. Trong kinh Hoa Thủ có kệ tụng nói:

*“Các ông quán tâm đó  
Niệm niệm thường sinh diệt  
Như huyễn không chỗ có  
Mà năng được báo lớn.”*

Lại có kệ tụng nói:

*“Tâm đó chẳng ở duyên*

*Cũng chẳng lìa các duyên  
Chẳng phải có và không  
Mà năng khởi quả lớn.”*

Trong luận Hiển Dương có kệ tụng nói:

*“Do quả tâm kia vậy  
Sinh rồi tự nhiên diệt  
Sau biến khác khá được  
Niệm niệm diệt nên biết”.*

**Luận nói:** “Tất cả hành kia là quả tâm, tánh nói mới sinh lìa diệt, nhân duyên tự nhiên diệt hoại, lại đến lúc sau biến khác được, phải biết các hành đều là sát-na diệt, cơ sao phải biết các hành là quả tâm ư? Có bài tụng nói:

*“Tâm huân tập tăng trưởng  
Định chuyển biến tự tại  
Ảnh tượng sinh đạo lý  
Và ba thứ Thánh giáo”.*

**Luận nói:** “Do đạo lý và Thánh giáo là tánh quả tâm, đạo lý là các pháp thiện và bất thiện huân tập nơi tâm, do sức của tập khí tăng thượng nên hành được sinh. Lại, thoát định chướng tâm thanh tịnh là tất cả các hành tùy tâm chuyển biến, lại do sức của định tâm tự tại nên tùy chỗ muốn ảnh tượng cảnh giới định tâm mà sinh. Đó gọi là đạo lý, Thánh giáo có ba, nghĩa là ba thứ Thánh ngôn, như trong kinh có kệ tụng nói:

*“Tâm cùng dẫn thế gian  
Nơi sức tâm phòng hộ  
Tùy tâm sinh khởi rồi  
Tự tại đều tùy chuyển”.*

Lại nói: “Bí-sô nên khéo chuyên tinh như chánh lý quán sát ở tâm”. Cho đến nói rộng. Lại nói: “Bí-sô phải biết nói chúa thành tức là tất cả hữu, thủ, thức uẩn, đó gọi là Thánh giáo”. Vậy biết phước tùy tâm đến, họa theo tâm sinh, như vang theo tiếng, tự bóng theo hình. Như A-na-luật cúng dường một bữa ăn cam lồ cho Bích-chi-phật mà thường đầy bát không, người vàng dùng hết mà lại sinh. A-na-luật Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Vô Bản. Trong kinh Hiền Ngu nói: “Cuối đời Đức Phật Phát-sa, thời đó đói kém, có Bích-chi-phật Lợi-tra đi khát thực mang bình bái không chẳng được gì, có một người bần khổ thấy mà buồn thương, thưa rằng: “Thắng sĩ! Có thể nhận cơm đấng chăng?” và liền đem vật đang ăn mà dâng cúng. Bích-chi-phật lợi-tra dùng xong

làm mười tám thứ biến hóa. Lại nhỏ lúa đặng, có con thỏ nhảy ôm trên vai biến làm người chết, không thể tánh rời. Đợi tối mới trở về nhà, ngã nơi đất liền biến thành người vàng, rút ngón tay để sinh sống, dùng hết lại mọc ra, người xấu ác vua xấu ác muốn đến cướp đoạt đó, chỉ thấy thầy chết, mà vàng báu đó trải qua chín mươi kiếp quả báo thường đầy đủ, nên gọi là Vô Bản. Cuộc sống về sau, gia nghiệp giàu có, ngày đêm thêm nhiều. Cha mẹ muốn thử, đập bình bát không đưa đến nhưng mở xem thì có trăm thứ thức ăn đầy đủ, mà ở nhà ngày ngày thường có một vạn hai ngàn người, sáu ngàn lấy nợ, sáu ngàn lại hầu. Sau khi xuất gia rồi, tùy nơi đến, mọi người thấy đều vui mừng, muốn có những gì cần dùng thì như ở nhà mình không khác”. Lại như vua cúng thí Bích-chi-phật một bữa cơm. Sau đó khắp Diêm-phù-đề trong bảy ngày chỉ mưa bảy thứ báu, tất cả mọi người nghèo cùng dứt hẳn, phải biết bảy báu đó chẳng từ xứ khác đến, đều từ trong tâm vua đó cúng dường mà lưu xuất, nhân khởi tự trong tâm, quả chẳng sinh xứ khác, như A-na-luật người vàng tự làm tự nhận. Do đó, phước thì thấy làm vàng báu, người xấu ác thấy là thầy chết, nên biết chuyển biến từ tâm, tiền trần chẳng định. Lại như chưa mở bình bát không thì cam lồ vốn không, tùy phước sinh ra trăm thứ mùi vị đầy đủ. Cảnh của thiện ác đều từ tự tâm. Nên trong luận Duy Thức nói: “Cảnh tùy nghiệp thức chuyển, cho nên nói Duy tâm”. Cho nên không một pháp nào chẳng quy về Tông Kính. Trên đây là nhân quả thế gian, tiếp đến luận về nhân quả của chư Phật. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: “Hiển bày Phật quả có ba thứ chẳng đồng: Một là, mất lời dứt hành, riêng rõ pháp thân không làm quả. Hai là, theo hành tích chứa tu, hạnh mãn công thành nhiều kiếp mới thành quả. Ba là, lúc mới phát tâm, quả vị thứ nhất trong Thập trụ thể dụng tùy duyên chỗ thành quả. Trở lại mới đầu ,mất lời dứt hành là nói rõ pháp thân không làm quả tức là các kinh Niết-bàn vô hành v.v... là ẩn thân chẳng hiện muôn sự ngưng nghỉ. Lại nói: La-sát làm Đồng tử Tuyết Sơn nói các hành vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, là quả vô tác, chẳng đầy đủ hạnh vậy. Thứ hai là, theo hành tích lũy tu, hạnh mãn nhiều kiếp mới thành quả, tức là thuyết của trong quyền giáo, theo hành tu thành, ba A-tăng-kỳ kiếp hành mãn mới thành Phật quả. Đây vì chẳng rõ vô minh, mười hai hữu chi vốn là trí tuệ pháp thân, nhằm chán mà dùng Không quán, dẹp trừ phiền não hiện hành, vui thích môn thanh tịnh riêng biệt; Thứ ba là, phạm từ sơ tâm Thập tín mở đầu chứng tùy duyên vận dụng quả thành, tức như kinh Hoa Nghiêm ấy vậy. Thập trụ trọn tâm tức dùng phương tiện Tam-muội, thấu đạt vô

minh mười hai hữu chi thành trí lý đại bi, tức đầy đủ thể dụng của Văn thù Phổ Hiền, pháp môn pháp giới. Lại như hóa Phật chỉ dạy giáo hạnh nhân quả, định trải qua trong ba A-tăng-kỳ kiếp, công đức có được đều là do tu sinh, trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, đốt đèn được ánh sáng, chẳng giết hại được sống lâu. Bồ thí được của cải, nhẫn nhục được đoàn chánh, mỗi mỗi nhân quả thuộc đối tượng tợ đầy đủ, nhưng đối trị các thứ pháp môn, mới đầu được thấy tánh thành Phật, như kinh Hoa Nghiêm, tức chẳng vậy, một niệm chóng chứng pháp môn pháp giới. Thân tâm tánh tướng vốn chỉ pháp thể, thi vi vận dụng động tĩnh đều là bình đẳng, nhậm trí vô tác tức là Phật vậy. Vì tất cả Phật pháp nên không dài không ngắn như vậy, đầu cuối rất ráo pháp đều như vậy. Nói nhất chân pháp giới, nhậm pháp thi vi đều là đầy đủ hằng sa đức dụng, tức nhân tức quả. Vì pháp giới Phổ môn lý trí các chương tự không, không riêng đối trị riêng tu riêng đoạn, chẳng thấy biến hóa, biến và chẳng biến không khác tánh tướng, quán khắp tất cả không gì chẳng là pháp môn, không gì chẳng là giải thoát. Chỉ vì tự tâm cưỡng sinh buộc đấm, vì lấm sự vậy, chìm ngập dòng khổ vậy, nhọc Thánh nói các thứ sai biệt. Với nói sở thuyết lại sinh buộc đấm. Vì nghĩa đó nên Thánh nói chẳng đồng, hoặc tiệm hoặc viên, ứng các căn khí. Như kinh đây bày dạy thừa viên đốn, điểm người đáng kham nhận, giả sử chẳng kham nhận, nên phải vui thích tu, rất ráo chảy về cuối cùng ở biển đây. Cho nên các giáo khác trước nhân sau quả chẳng đồng giáo đây nhân quả đồng thời. Vì trong biển trí pháp tánh nhân quả chẳng thể được vậy, vì trong chẳng thể được, nhân quả đồng thời không có chương ngại vậy. Có thể được nhân quả tức có trước sau, có chỗ được đều là vô thường, chẳng phải thuyết rất ráo vậy. Nếu trước nhân sau quả, nhân cũng chẳng thành nên quả cũng hoại vậy, pháp duyên sinh chẳng tương tục vậy, tức đoạn diệt vậy, tự tha chẳng thành vậy, như đếm một tiền chẳng đếm tiền sau, không hai sau là một cũng chẳng thành, vì sát-na chẳng tương tục, sát-na nhân quả hoại, nhiều kiếp chẳng tương tục, nhiều kiếp nhân quả hoại, đợi lúc tính tiến sau, một trước mới thành, nhân quả cũng như vậy, cần đợi không gián đoạn trong một thời gian, nhân quả mới thành. Nếu vậy là như tính hai tiền đồng tính không trước không sau, ai làm một hai, như dựng hai ngón tay, ai làm nhân quả, như hai ngón tay đều tùy nơi tâm đếm làm nhân, đếm sau làm quả. Nếu là có trước có sau tức có khoảng giữa, trở lại có sát-na gián đoạn, có gián đoạn là chẳng thành nhân quả. Nếu đồng thời là như dựng hai ngón tay không trước không sau, ai làm nhân quả cũng đều chẳng thành. Như kinh Hoa Nghiêm đây nhân quả

đồng thời là đều không nhân quả trước sau và đồng thời tình lượng buộc đấm như vậy. Vọng tưởng có không đều chẳng đều thường vô thường v.v... buộc đấm nhân quả, chỉ rõ pháp thể chẳng phải chỗ định nghĩa, chẳng phải nhân quả buộc, gọi là nhân quả, chẳng phải chỗ tình lập vọng tưởng đồng thời trước sau vậy. Như vậy có gì khác thuyết tiệm giáo của Lăng-già. Đây thì không như vậy, cho đến trong Lăng-già chỉ luận phá tướng, chỉ cứu hiển bày lý không buộc đấm, nên chẳng luận duyên khởi. Như pháp giới duyên khởi là pháp giới chẳng thành chẳng phá, chỉ rõ biết pháp như vậy. Cho nên trong kinh Lăng-già nói: “Trước bày vật tướng tợ, sau phải cùng chân thật”. Lại nói: “Được tướng là thức, chẳng được tướng là trí”. Như trong kinh đây không có giả pháp, các pháp đều chân, thuần chân không giả, lại không tướng tợ, còn chân còn giả. Trong kinh nói: Chúng sinh giới tức là Phật giới vậy, như Văn thù dùng lý hợp hạnh, Phổ Hiền dùng hạnh hợp lý, hai người thể dụng cùng triệt để thành nhất chân pháp giới, trước sau cùng thâu trong mỗi mỗi phẩm, qua lại bao gồm trước sau cùng suốt, văn nghĩa lại thâu, trong một pháp môn đủ nhiều pháp vậy, cho nên trong kinh có kệ tụng nói: “Ở trong nhiều pháp làm một pháp, ở trong một pháp làm nhiều pháp”, nhưng tâm đây là đô của pháp giới, không pháp gì chẳng nhiếp, chẳng phải chỉ nhân quả phạm thánh, cho đến thiện ác thuận nghịch đồng quy, nếu mỗi mỗi ngộ là tự tâm, thì sự sự không gì chẳng phải chánh lý. Như trong kinh nói: “Đê-bà-đạt-đa chẳng thể nghĩ bàn, hạnh nghiệp sở tu đều đồng Như Lai. Lục quần Tỳ-kheo chẳng phải tặc ác, pháp sở hành đều đồng hạnh Phật”. Người có tu thiện mà chịu quả địa ngục, người làm việc ác mà thọ báo trên trời, nếu chẳng thấu đạt văn đây thì nghịch thuận cách vờ, sao có thể tốt xấu đồng hóa, nhưng trong chương đầu đã thuật về chánh tông, như hạng người thượng thượng cơ thì một nghe ngàn ngộ. Đây đều là xưa trước hành tập thấy hiểu sinh biết. Nếu là hạng căn trung hạ, phải nhờ chỉ bày, nhân người khác trợ phát mới ngộ viên thành. Vì nhân duyên đây nhỏ nhiệm nhóm tập, do đó nói: “Nếu có nơi bằng mảy trần chưa rõ, đó đều có vô minh tồn tại, vì nơi chẳng rõ làm chướng ngăn che vậy, huống gì trong căn môn tự thân, trong thường dùng hằng ngày, có vô lượng pháp môn ứng cấp, toàn chưa rõ một, như người mới sinh ra đã mù mỗi ngày ăn cơm trăm mùi vị, tuy là được ăn, thức ăn nào phân rành. Nếu nói không phân, lại mỗi ngày được ăn, nếu nói có phân giả sử hỏi đều chẳng biết, nếu muốn vì người chưa rõ biết cậy nhờ đâu mổ xẻ, chỉ thành tự luống dối, trái lại rơi vào không biết, mắt mình chưa mở, sao trị mắt kẻ khác. Vì vậy,

Đồng tử Thiện Tài mới đầu thấy gặp Văn thù rồi, rõ trí căn bản, vào dòng Thánh trí, sau đó tham khắp các đạo bạn, vì cầu đạo trí sai biệt, tập hành hạnh môn Bồ-tát, gặp Quốc vương Vô Yểm Túc, được pháp môn như huyền, thấy Bà-la-môn Thắng Nhiệt được vô tận luân giải thoát, còn là mê tông mất yếu chỉ, đối cảnh mênh man, nên biết Phật pháp huyền vi chẳng phải chỗ hàng trí cạn kịp được, huống gì dùng chân loài muỗi kiến mà định đi cùng đáy bể cả, dùng tơ nhện muốn treo núi Diệu cao, càng ôm sắc thẹn, phải tỏ bày sám hối. Do đó, biển Bát-nhã rộng thênh, vào đó mới ngộ không ngăn mé, núi pháp tánh cao, lên đó mới biết chót vót. lại từ đấng Đại Hùng ra đời, các Thánh phát huy xiển dương, đến đầu thời tượng pháp, thì có các Tôn giả Mã Minh, Long Thọ v.v... năm trăm Luận sư hoàng dương rộng chí giáo, đến trong thời tượng pháp, lại có Hộ Pháp, Trần na v.v... mười vị Đại Bồ-tát giải rộng kinh sâu mâu, biện rành tông không hữu, lập lý Duy thức, đều là ngàn Phật trong ngàn kiếp, Năng Nhân trong mười cõi, đồng đáp bản nguyện trong lòng, cùng giúp hóa vô duyên. Cớ sao mang ánh sáng đom đóm mà sánh cùng mặt nhật, bưng trống vải mà đến gần cửa Lôi, chẳng lường nghe ít, lùi thẹn kém hiểu. Vết chân trâu há đem biển lớn sánh đồng lượng, cỏ mục thúy sao tốt tươi đồng ví cây xuân linh. Nay trì luận đây vì người vui thích Đại thừa, thâm tâm thành pháp khí. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Phật dạy: Nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ cầu lợi ích lớn, tin giáo của ta, sau đời như trước, thời rất che khuất, người lành khó gặp được, khi ấy nghe pháp sâu mâu v.v... như vậy rồi, nên vì người như lý mà nói, không vì người chẳng như lý, vì người tin mà nói, không vì người chẳng tin”. Nay ta cũng vì người như lý nói chẳng phải người chẳng như lý, vì người tin nói, chẳng phải người chẳng tin. Lại nữa, người biết người mến thì quý như trân châu, người không biết không mến thì xem rẻ đồng đất bùn, ngưỡng mong những bậc sĩ tham huyền nguyện bẩm nhận lời Phật giao phó suy xét, những bậc hiền mộ đạo đồng tuân theo ý Tổ.

Hỏi: Nương tựa tông nêu trên rất hòa hợp chánh pháp, sao dụng lại dẫn lời lẽ giải thích mở rộng các đạo?

Đáp: Tổ sư Mã Minh tuy nêu một pháp Duy tâm, mở ra hai môn chân như sinh diệt, Đạt-ma chỉ thẳng nhất tâm, dựng lập bốn hạnh tùy duyên vô ngại. Rõ ràng, phạm đại tông vốn không khác, nhân người mà được tên xưng, nên nói Tổ sư đốn ngộ vào ngay, gọi là Thiền tông, chư Phật quả tức căn bản, gọi là Phật tánh. Nguồn gốc muôn hạnh của Bồ tát, gọi là tâm địa, nơi khởi luân hồi của chúng sinh gọi là thức tạng,

muôn pháp nương tựa gọi là pháp tánh, năng sinh Bát-nhã gọi là biển trí, không thể định một chấp nhiều, sinh các tình kiến. Vì vậy, trong kinh Kim Quang Minh nói: “Pháp tánh sâu mầu vô lượng”. Vô lượng là chẳng phải ràng buộc có một pháp, gọi là vô lượng. Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả xứ, tất cả các pháp đều là Phật pháp, sâu mầu (thậm thâm) cũng chẳng phải riêng có một pháp gọi là sâu mầu, tức sự mà chân, không gì chẳng phải là thật tướng, có thể gọi là nhiều của trong một, phải còn mà chánh hết, một của trong nhiều, ở cuộn mà cũng buông. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát Ma-ha-tát biết ba cõi duy tâm, ba đời duy tâm, mà rõ biết tâm đó vô lượng vô biên, đó là Vô đẳng trí”. Lại nữa, các bậc Tiên đức nói: “Nói tuy chẳng thể nói, nhưng chẳng phải nói không để truyền”. Vì vậy, Thánh nhân trọn ngày nói mà chưa từng nói vậy. Vì trọn ngày nói nên chẳng tuyệt tâm bọt nước hòa, mà chưa từng nói nên chẳng mất tánh Bát-nhã, vì bọt nước hòa nên chẳng trái với môn đại hóa, vì Bát-nhã nên chẳng thấy dấu vết của ngôn tượng. Lại, trong kinh nói: “Chư Phật thường nương hai đế mà nói pháp. Nếu chẳng được Thế đế, chẳng được Đệ nhất nghĩa, vì rõ tục không tánh tức là môn chân”. Sao là theo vật tùy tình sinh nhiều dị kiến, hạn cục xa gần của phương góc, định cạn sâu của khí lượng, như sâu ngoài tìm cành đặt chân trước mà tiến chân sau, tự vượt si được cây buồng cành cao mà chạm cành thấp. Nếu năng bỏ đồ vật quán không, tự mất vuông tròn ngắn dài, biết tâm là cảnh, đâu có cao thấp phải quấy. Vả lại, như trong Thế đế có tám vạn bốn ngàn trần lao phiền não, ở trong các phàm phu vọng tưởng, chỉ một pháp sinh tử rất lớn, vì có sinh tử, tâm cảnh đều sinh, nếu không sinh tử, nhân pháp đều lặng. Nên biết rõ còn ngày nay chẳng thể nhân theo, phàm nghiệp buộc bốn loài, thân ở chín cõi. Được thân người là như mảy trần trên móng tay, mất thân người như đất của đại địa, ở ba đường xấu ác mà trọn vui chôn kiếp số như bụi trần, ở đời bốn không mà thường mất thiện chi, giả sử tạm sinh trong loài người ngàn ban chướng nạn, hoặc căn cơ ám độn mà khó tỉnh, hoặc căn lợi mà tin tà, hoặc thân khí chẳng vẹn toàn, hoặc ngăn chướng đều nặng, đều chẳng thể hóa, không do chứng chân. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Phải biết thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, thời gian tốt lành dễ qua, một khi sa đọa vào các nạn, trọn chẳng thể trị. Nếu đọa vào địa ngục thiêu đốt cắt mổ, sao có thể giáo hóa, nếu đọa vào súc sinh cùng giết hại nhau, cũng chẳng thể hóa, nếu đọa vào ngạ quỷ đói khát nhiệt não cũng chẳng thể hóa, nếu sinh ở cõi trường thọ, qua ngàn vạn Đức Phật nhưng vì đắm trước vị thiên định nên đều chẳng hay biết. Như sinh

ở biên địa ở nước An Tức đều là thân người mà ngu si không thể giáo hóa, tuy sinh tại Trung Quốc mà hoặc sáu tình chẳng đủ, hoặc bốn chi chẳng vẹn toàn, hoặc mù điếc câm ngọng, hoặc chẳng biết nghĩa lý. Hoặc lúc sáu tình đầy đủ sáu căn thông lợi mà đấm chấp tà kiến sâu nặng nói không tội phước. Chẳng thể giáo hóa, nên vì nói thời gian tốt lành dễ qua sa đọa trong các nạn, giả sử không các nạn, mà phiền não nghiệp sâu, vẫn là bị lửa tám khổ thiêu đốt năm trước khiến loạn. Phàm nói khổ là vô lượng, hoặc ba khổ năm khổ tám khổ. Cho đến trong Du-già nói có một trăm mười khổ và khổ của tám muôn bốn ngàn trần lao đều chẳng vượt ngoài khổ lưu chuyển và hành khổ v.v... mà phàm phu cam chịu ở chẳng từng hay biết. Như trong luận Câu-xá có kệ tụng nói: “Như dùng một lông my, đặt tay người chẳng biết, nếu đặt trên tròng mắt, bị khổ rất chẳng an. Phàm phu như bàn tay, chẳng biết lông hành khổ, người trí như trong mắt, lông rất sinh nhàm sợ”. Nên biết khổ của sinh lão bệnh tử ai hay miễn khỏi ư? Bốn núi thường lại cất người, như các bậc Tiên đức nói: “Nên bậc Hiền và kẻ ngu, giàu mạnh và gầy yếu, đều bị bốn chuyển dời, không một thoát khỏi. Phạm thiên Đế thích, bản cùng hạ tiện, Nghiêu Thuấn Kiệt Trụ, ba hoàng bốn hung, đều kết quy tàn diệt, đều bị khổ nương tựa. Phàm, tám khổ là: Sinh khổ thì là nhân của các khổ tích tụ, gốc của sáu thú thọ thân, như quả của ăn phần dơ như ăn rễ cây độc, lấy cam lồ mà rơi lọt hầm hổ, mua thức ăn tuyệt hảo mà đến chết, công đức tối mịt, hai nữ cùng theo, người có trí và chủ nhân cả hai đều chẳng nhận. Trong luận Đối Pháp nói: “Sinh khổ là nơi các khổ nương tựa, các khổ bức bách, chín tháng mười tháng ở nơi thai tạng như tại trong hầm phần dơ, lâu dài chịu các thứ khổ nóng lạnh v.v... giữa khoảng sinh tạng thực tạng như hai núi ép lại, lúc đến cửa sinh thì khổ đó khó kham, chợt ra bị gió tấp, như dao cắt kim châm. Bất chợt mất tiếng, bỏ quên trước đó có các sự nghiệp, gọi là sinh khổ. Lão khổ là thời phần biến đổi khác nên khổ, thân phần trầm trọng các căn chín muồi, da dễ nhăn nheo, đi bước gù cong, ngủ nghỉ chẳng an, dậy ngồi rên rỉ. Suyễn thở ngọt ngọt, bị lan tràn rộng, bị người khi thường. Tình đời càng dốc, việc đời đều dứt, gọi là lão khổ. Lại nữa, già lão là quên như trẻ thơ, cuồng như quỷ đấm, vì chất thể mong manh suy nhiệt, đang lúc dễ phá thối hoại, mặt nhật xế bóng về tây, hoa héo tàn muốn rụng, như cặn đục của cam-già, không ba thứ mùi vị của xuất gia thiền tụng, kiếp đồng lực mà toàn nhân giặc lão, vạch trắng sắc mà sắp giao vua chết, như sen gặp bão mà suy tàn, thợ xe gậy trục mà vô dụng, như sông khô thiếu nước chẳng lợi cho người, như đèn tàn không dầu thế sao



được lâu! Bệnh khổ là bốn đại biến đổi trái nghịch nên khổ, trăm tiết đau đớn, bốn chi khổ sở, năng hoại tất cả sự vui an ổn. Do đó trong kinh nói: “Như người trẻ đẹp, Vương phi trộm yêu, đưa thư tư thông, vua bèn bắt được, móc tròng mắt đó, lóc tai mũi đó, cắt tay chân đó, hình dung chóng đổi khác, làm người xấu hèn, bệnh khổ bức bách, vì vậy khó kham, bị người ghét bỏ cũng lại như vậy, vì khổ não là gốc của ưu sầu, làm nguyên do khiếp sợ chết mất, như mưa bão phá hoại lúa mạ, tợ kẻ oán ép bức, cướp đoạt chánh mạng, hủy diệt dung mạo trẻ mạnh, giảm phước lực mà lùi Đại Bồ-đề, thêm buồn lung mà mất gốc chân thiện, đó gọi là bệnh khổ. Chết khổ là thọ mạng biến hoại nên khổ, gió dao mổ cắt chi tiết, không nơi nào chẳng thống khổ, há miệng than dứt, tay chân rối loạn, trợn mắt trào bọt, mồ mẫm hư không, mồ hôi tuôn đổ, mũi dãi lênh láng. Xưa tuy mượn dùng tấm gôi đều kết quy về bất tịnh, xưa tuy mượn dùng bôi thoa, đều kết quy về hôi hám, thời xưa Vương vị của báu chứa đầy, thân tộc vợ thiếp muôn ức, đến lúc chóng bỏ, riêng một mình đi đến đời sau, không một ai theo, nằm trên giường gối, giăng thầy ngựa nghiêng, cha mẹ vợ con đấm ngực kêu gào, mọi người khóc thương bức tóc gõ đầu, tuy sống buồn thương mền ngưỡng, chết đến đau khổ trọn phần, hoặc chôn cất lãng mộ thịt tiêu cốt rã, hoặc có bày thầy để thí thân thịt, cầm thú kiến trùng đua nhau rúc rĩa, hoặc dùng lửa đốt khói hôi phừng phực, bốn phía bít đầy mọi người thương than, buồn đau tuyệt tiếng, đều về quê cũ, chỉ còn lại tro phân riêng theo gió đất, bình sinh ý khí chạm phải quá mây, một mai từ biệt khốn khổ đượm trăng sương. Vậy biết nơi lộc mạng hết, lúc của gần chết như kiếp gió thổi tan, tợ dòng thác trút đổ, qua không nơi ngăn đến chẳng thể thoát, hưởng tới nơi sâu xa cảnh khiếp sợ thường kinh, ở trong tăm tối hồn lẻ riêng đi, tôi oán luôn gặp từng chẳng hay biết, vua chết ép bức không thể thoát khỏi. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phàm, kẻ chết ở nơi hiểm nạn không có hành lý, cách xứ xa vơi mà không bè bạn, ngày đêm thường đi chẳng biết ngăn mé, sâu xa tăm tối không có đuốc đèn, vào nhà không cửa mà có xứ sở, tuy không nơi đau mà chẳng thể trị liệu, đi không ngăn ngừng đến chẳng được thoát, không nơi phá hoại thấy các sâu độc, chẳng phải sắc xấu ác mà khiến người sợ, bày ở bên thân mà chẳng thể hay biết”.

**Giải thích:** Ở nơi hiểm nạn là hai mươi lăm hữu, đời của khiếp sợ, không có tư lương là không thiện pháp để tự nhờ, cách xứ xa vơi là sinh tử không cùng vậy và không bè bạn là hồn linh tự đi. Đêm ngày thường đi chẳng biết ngăn mé là tùy theo nghiệp trôi dạt xoay quanh

không bờ mé. Sâu xa tằm tối không có đước đèn là chết tức tướng sau cùng vừa vào phần chết, mờ tối khó ra đêm dài sinh tử, nên gọi là sâu xa (thâm thúy). Chết rồi phần nhiều vào ba đường xấu ác nơi rất tối tăm nên nói là không có đèn đước. Vào nhà không cửa mà có xứ sở là, chết vào trong thân chẳng nhân nhà cửa, tức thân bày chết, gọi là có xứ sở. Tuy không nơi đau là lúc sắp chết tuy có năm căn mà không có tri giác. Chẳng thể trị liệu là quả báo hết hẳn chết, thầy thuốc ở đời bó tay vậy. Đi không ngăn ngừng đến chẳng được thoát, nghĩa là lúc nghiệp tận báo hết đến tức hẳn đổi thay, nghiệp tự mình ép thúc, không người nào trời buộc, không nơi phá hoại thấy các sâu độc là báo sắc tuy diệt mà da thể chẳng hủy, mà thấy buồn đau không gì chẳng sâu độc. Chẳng phải sắc xấu ác mà khiến người sợ là không tướng mạo người khủng bố, mà người thấy kinh sợ, bày ở bên thân mà chẳng hay biết. Đây nói rõ bên cạnh thân sau cùng, nhưng chẳng thể biết thời tiết của chết. Lại, các thức mờ tối sáu phủ trống không, hơi thở thưa dần lắng tâm hôn sâu rười. Trong kinh Vô Thường có kệ tụng nói:

*“Mạng căn khí muốn hết  
Chi tiết đều chia lìa  
Các khổ là chết cùng  
Khi ấy nhọc tham hận  
Hai mắt đều ngược lên  
Dao chết theo nghiệp xuống  
Ý tưởng đều hoảng hốt,  
Không thể cùng cứu giúp.”*

Do đó, các bậc Tiên đức nói: “Thân người vô thường, một hơi thở chẳng theo được là ngàn năm đi mãi, đường sâu xa thăm, không có tư lương. Biển khổ sâu vời, thuyền bè sao ngừng nghỉ, Thánh Hiền trách bỏ không chõ cậy nương. Việc mùa màng bỏ, gió daó chẳng xa, đâu thể an nhiên ngồi đợi đau ê. Thí như chó sói mất tai đuôi răng, giả ngủ mong thoát, chợt nghe chém đầu, tâm rất kinh sợ, gặp sinh lão bệnh còn chẳng làm gấp. Việc chết không xa nào được chẳng sợ, lúc tâm sợ nổi như dập lửa sôi, sáu trần năm dục chẳng rảnh tham đắm. Như vua Đại Đế em vua A-thâu-kha nghe Chiên-đà-la mỗi sáng mai chống linh kêu, một ngày đã hết, sáu ngày nữa sẽ chết, tuy năm dục đủ đầy mà không một niệm hưởng thọ. Hành giả khiếp sợ khổ đến sáu hồi, chẳng tiếc thân mạng như chó sói quyết chết, không chõ nghĩ nhớ như vua sợ kia. Vậy biết nhân của muôn học, gốc của các khổ đều từ một niệm kết cấu mà sinh, nên phải kín giữ căn môn, thường phòng đất ý, chớ khiến

vọng khởi tạm theo tiền trần. Như trong kinh Phật sắp nhập Niết-bàn lược dạy giáo giới nói: “Năm căn đây do tâm làm chủ, cho nên các ông phải khéo nhiếp chế tâm. Tâm rất đáng sợ quá hơn rắn độc thú dữ giặc oán, vượt khỏi lửa lớn cũng chưa đủ để thí dụ vậy, chuyển động lay lắc, chỉ trông nhìn bát mật chẳng thấy hố sâu, thí như voi điên không móc sắt, khi vượn được cây lớn nhả nhót đùa cột khó thể cầm chế, phải gấp dẹp đó chớ khiến buông lung, buông thả tâm đây là mất việc thiện của người, buộc lại một nơi, thì không việc gì chẳng xong. Cho nên Tỳ-kheo phải tinh tấn chuyên cần bề dẹp tâm các ông”. Nên biết sinh tử khó ra khỏi cần phải đau đáu cần trọng. Và lại như hàng Thánh nhân Nhị thừa và các Bồ-tát tự tại đều ra ngoài ba cõi, còn có bốn thứ sinh của thân biến dịch, hưởng gì ở trong ba cõi, phiền não hiện hành, phạm phu nghiệp buộc phần đoạn sinh tử ư? Bốn thứ sinh tử thì là tất cả A-la-hán, Bích-chi-phật, đại địa Bồ-tát, do bốn thứ chướng mà chẳng được bốn đức của Như Lai: Một là, phương tiện sinh tử, hai là, nhân duyên sinh tử, ba là, có có sinh tử, bốn là, không có sinh tử? Trong kinh Vô Thượng Y nói: “Phật bảo: A-nan! Ở trong ba cõi có bốn thứ nạn: Một là, nạn phiền não, hai là, nạn nghiệp, ba là, nạn sanh báo, bốn là, nạn lỗi lầm. Vô minh trú địa khởi nên phương tiện sinh tử, như nạn phiền não trong ba cõi. Vô minh trú địa khởi nên nhân duyên sinh tử như nạn nghiệp trong ba cõi. Vô minh trú địa khởi nên có có sinh tử như nạn sanh báo trong ba cõi, vô minh trú địa khởi nên không có sinh tử như nạn lỗi lầm trong ba cõi. A-nan! Phải biết như vậy. A-nan! Bốn thứ sinh tử chưa trừ diệt nên ba thứ ý sinh thân, không có quả thường, lạc, ngã, tịnh Ba-la-mật. Chỉ pháp thân Phật là thường là lạc là ngã là tịnh Ba-la-mật. Các ông phải biết như vậy”. Khổ về thương yêu xa lìa. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: nói: “Nhân ái mà sinh lo buồn, nhân ái mà sinh khiếp sợ. Nếu xa lìa ái thì có gì phải lo phải sợ”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Nguyên nhân của các khổ, tham dục là gốc”. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Từ si có ái thì ngã bệnh sinh”, khổ về oán ghét mà gặp gỡ. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Quán xét tất cả chúng sinh trong năm đạo đều là khổ lớn bởi oán ghét gặp gỡ. Nếu chưa rõ vô sinh, ở nơi sinh ra, không gì chẳng là oán, không gì chẳng là khổ. Tại sao? Bởi cảnh trói buộc chẳng được tự tại. Khổ về mong cầu không được, gồm có hai thứ: Một là, nơi hy vọng mong cầu mà chẳng thể được. Hai là, làm lụng nhiều công sức mà chẳng được quả báo, khổ về năm ấm hưng thịnh, khổ sinh, khổ lão, khổ bệnh, khổ chết, khổ yêu thương mà xa lìa, khổ oán ghét gặp gỡ, khổ mong cầu chẳng được, cho nên gọi là khổ năm ấm hưng thịnh. Vì chấp

ẩm là có, làm ẩm che chụp bèn thành ẩm ma, nhóm tập các khổ. Năm trước là: Một là, kiếp trước là bốn trước tăng quá tụ tập ở thời nay, sân giận tăng quá đao binh nổi dậy, tham dục tăng quá, đói khát nổi dậy, ngu si tăng quá, bệnh dịch nổi dậy. Ba tai nổi dậy nên phiền não gấp bội lớn mạnh, các kiến chấp chuyển thành phùng phục, sắc tâm thô tệ, tên xấu xứng dơ, dẹp giảm tuổi thọ, các trước đua nhau đến, như nước tràn tối, gió sóng nổi dữ, cá rồng quấy nhiễu, không một cây nhờ, thời khiến như vậy. Như ở kiếp sơ, trời Quang Âm rơi đọa xuống đất, đất khiến có dục. Như trời Đao-lợi vào vườn thô rít, vườn sinh tâm đấu kiện, đó gọi là tướng kiếp trước. Phiền não trước là biển tham nhận nạp các dòng chưa từng no đủ. Rồng sân hớp độc đốt các thế gian, si ám ngu dối quá hơn sơn đen. Mạn cao coi thường lẩn lướt chột vô độ, lưới nghi không tin, không thể nói thật là tướng phiền não trước. Kiến trước là: Không nhân cho là có nhân, có đạo cho là không đạo, mười sáu thứ thấy biết, sáu mươi hai thứ kiến chấp v.v... giống như lưới võng, lại tự như rừng rậm trời buộc quanh co chẳng thể ra được, là tướng kiến trước. Chúng sinh trước là quây nơi sắc tâm lập một chủ tử, thí như keo nhựa không vật gì chẳng dính, trôi dạt trong sáu đường xứ xứ thọ sinh. Như bản như lún nói là lớn là giàu, là tướng chúng sinh trước, mạng trước là sáng sinh tối chết, ngày ra đêm mất, sóng chuyển khói xoay, nháy mắt dứt chẳng trú, là tướng mạng trước. Ở thời loạn trước này, ngăn chướng tăng lăm cảnh vút bay thức đốt cháy thiêu hết căn lành, nghiệp động gió tâm thổi tàn Bạch pháp, đắm sân quỷ thú ly my, đọa si trong lưới La-sát, làm móc buộc lại của vua tham ái, bị sai sử của chúa ma oán, ai có thể chóng tỉnh xét bắt chước viên tu đây? Đã được sinh tại nơi trung tâm lại khó gặp đời có Phật, nay phải mừng may được gặp Di văn, hưởng gì qua lại trong Tông Kính. Trước sau không gì chẳng phải chân thật. Lời lời có thể dùng để ngộ đạo, chữ chữ chỉ để nêu tông. Nay phải sớm tối quên nhọc, đầu đầu nghiên cứu, chột theo nghe mà tỉnh ngộ chân tâm ta, chóng làm người đắc đạo, mãi tiếp nối hạt giống Bồ-đề, nếu chưa thấy đạo, mỗi niệm duyên sai, một khi mất thân người muôn kiếp khó được lại. Do đó, trong Cổ giáo nói: “Một hơi thở có bốn trăm lần sinh diệt, tánh mạng chỉ ở khoảng hơi thở vào ra, nếu người chưa đắc đạo chỉ có sinh tử luân hồi, mạng như treo sợi tơ, nếu được sớm nghe đạo tối chết cũng cam. Nên trong kinh Đề Vị nói: “Như có một người tại trên núi Tu-di dùng sợi tơ mà xuống, một người khác đứng dưới dùng kim nhọn để đón, khoảng giữa có gió xoáy dữ mạnh thổi sợi tơ khó vào lỗ kim, thân người khó được còn hơn như vậy”. Lại, trong kinh Bồ-tát Xử

Thai có kệ tụng nói:

*“Rùa mù nổi bụng cây  
Luôn còn có thể gặp  
Người khi mất mạng căn  
Ức kiếp khó được lại  
Nước biển sâu rộng lớn  
Ba trăm ba mươi sáu  
Một kim ném đáy biển  
Tìm lại còn thể được”.*

Lại có kệ tụng nói:

*“Ta từ vô số kiếp  
Qua lại đường sinh tử  
Bỏ thân lại thọ thân  
Chẳng lìa pháp bào thai  
Tính nơi ta trải qua  
Nhớ một chẳng nhớ khác  
Thuần làm thân chó trắng  
Chứa xương ức Tu-di  
Dùng kim nhọn châm đất  
Đều gặp đùng thân ta  
Huống gì chó sắc tạp  
Số đó chẳng thể lường  
Nên ta nhiếp tâm đó  
Chẳng tham đắm buồng lung”.*

Cúi nghĩ từ khi tổ giáo ở phương Tây truyền đến, các bậc Hiền thánh rảo khắp, đều vì làm rõ tâm, quyết chọn sinh tử. Nơi sinh tử khởi, chẳng vượt ngoài căn trần. Nhân bất giác mà vọng niệm chợt sinh, mê pháp giới mà cảnh huyễn ngầm hiện. Từ đó, chấp nhân chấp pháp lập tự lập tha, tùy theo đối đãi mà nghịch thuận kéo tình, bèn phân biệt mà ghét thương buộc niệm, bèn mới linh đình năm thú lẫn lóc bốn loài, nay muốn trở lại tìm nguồn vọng phải biết rõ nói khởi. Nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo: A-nan! Như ông nói thật sự ái lạc nhân ở tâm mắt, nếu chẳng biết rõ tâm mắt ở đâu thì không thể dẹp phục được trần lao. Thí như Quốc vương bị giặc xâm lăng, muốn dấy binh lính đánh trừ. Binh lính đó cốt yếu là phải biết nơi giặc ở. Nếu ông lưu chuyển lỗi bởi tâm mắt, nên biết tâm là nguồn của các vọng, nhân mê tự tâm mà làm trần bên ngoài, vì chấp vọng thức mà làm ngã ở trong, do Ngã mà cưỡng làm chủ tể, từ tưởng mà dựng lập tự tha, ôm huyễn cậy hư bèn

thành điền đảo. Pháp điền đảo, sơ lược nói có ba thứ: Một là, tâm điền đảo, hai là, thấy điền đảo, ba là, tưởng điền đảo. Tâm như chủ nhân dùng giặc, thấy là thân giặc, tưởng là chân giặc, căn trần là môi giới giặc, trong ngoài tạo dựng liền hết cướp của báu nhà, do đó thấy cướp nhân căn, khéo nghe cướp nhĩ căn, khéo ngửi cướp tỷ căn, khéo nếm vị cướp thiệt căn, khéo xúc chạm cướp thân căn, khéo pháp cướp ý căn, khéo pháp tài dốc hết, kho trí trống không, như kẻ oán đối làm người thân có ai biết được. Như nếu biết giặc thì giặc không thể bàn. Nếu rõ cảnh biết tâm thì trọn không bị trần bên ngoài xâm phạm, kết bên trong thất buộc. Vả lại, như tám pháp tâm vương cho đến sáu thứ vô vi, bao gồm cốt yếu có một trăm pháp môn đều là thường dùng hằng ngày của chúng sinh, không một lúc nào mà chẳng đủ, không một niệm nào mà chẳng sinh. Lấy đó mà so lường nên chẳng phải việc nhân. Nếu chẳng thể sâu sắc cứu vớt sinh tử cấp nạn khổ ách, thì Thánh hiền xưa trước đối phiến tạo nên. Vì có lợi ích sâu mới có hành xử. Thánh chẳng đối phạm, chân sao hoặc ngụy. Nay ghi lục đây lược chứng tông này, tìm muôn trượng mà chưa được mảy may, chỉ trăm phần mà mới nói một hai, xin chẳng nhầm chán đăm nhiều. Dốc chí tử tế vạch tìm, xem đó như lên núi cao, tin đó tựa vào kho biển. Lại, đây tuy gá mượn văn ngôn, mỗi mỗi chỉ bày chân thật đó, chẳng thể tùy theo lời nói mà sinh đăm trước mê mờ chánh tông ta. Như trong kinh nói: “Xe đao cắt đầu người Diêm-phù, lỗi lầm đó còn ít, có tâm chứng đắc nói pháp Đại thừa, tội đó hơn kia”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Chấp có và không tranh cãi, cho đến chẳng phải có chẳng phải không cùng có không tranh cãi, như da trâu lông rồng đều chẳng khởi loạn”, trong luận Trung Quán nói: “Chư Phật nói pháp không, vốn vì chuyển hóa hữu. Nếu hữu đăm ở không, chư Phật chẳng chuyển hóa”. Nếu quyết định nói các pháp chẳng phải có chẳng phải không thì đó gọi là ngu si luận, nếu mất ý Tứ tất-đàn, tự thực hành và chỉ bảo kẻ khác, đều gọi là đăm pháp. Nếu được ý Tứ tất-đàn, tự tha đều không đăm trước vậy. Lại như luận nói: “Trong Phật pháp chẳng đăm có chẳng đăm không, có không cũng chẳng đăm, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không cũng chẳng đăm, chẳng đăm cũng chẳng đăm. Như vậy thì chẳng bị nạn. Thí như dùng da chém chặt hư không, trọn chẳng thương tổn”. Vì chúng sinh nên tùy duyên nói pháp, tự không chỗ đăm, nên trong lời tựa luận Bát-nhã Đăng nói: “Quán rõ Trung đạo, mà còn trung, mất quán, Không hiển bày đệ nhất mà được Nhất thừa không, nhưng mà xe của Ty Nam vốn chỉ bày mê, gương soi mặt vì xét người

tà, không tà thì gương không chỗ trí, không mê thì xe không chỗ dừng. Luận đây phá bày do đó ấy vậy. Nếu là như vậy thì sao dung chấp giáo tùy chỗ chuyển của ngôn ngữ ư?” Cho nên nếu chưa gặp Tông Kính biên ghi rộng chánh ý vi tế của Phật tổ, bên trong được thấy tánh, mà chỉ nghe nhiều học bên ngoài thì thân tuy có xuất gia mà tâm chẳng vào đạo. Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật dạy: “Tỳ-kheo các ông thân tuy được mặc y ca -sa nhuộm, nhưng tâm còn chưa được nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Tỳ-kheo các ông tuy hành khát thực trải qua nhiều nơi chốn nhưng mới đầu chưa từng khát thực pháp Đại thừa”. Nên nói tuy có thông của Thắng Ý, biện của Thiện Tinh, nếu chẳng biết lý thật tướng thì chẳng khỏi đắm hôn trong hoạn nạn nứt đất. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Như Tỳ-kheo Vô Văn ở thiền thứ tư vọng nói chứng Thánh, phước báo cõi trời đã hết, tướng suy hiện ra, phỉ báng thân A-la-hán gặp phải hậu hữu nên đọa ngục A-tỳ”. Lại nói: “Thiện Tinh vọng nói tất cả pháp không, thân đang còn sống mà bị vùi lấp vào địa ngục A-tỳ”. Nên biết, nếu không vào Tông Kính, trước ngộ thật tướng chân tâm, giả sử lắm nhiều Đại biện thần thông, nhiều kiếp thiền tụng, trọn chẳng khỏi lỗi lầm ấy. Nếu thấu đạt yếu chỉ đây, phàm có hành vi , giở chân đặt chân tự nhiên chẳng lia đạo Niết-bàn nhất tâm. Như trong kinh Nguyệt Thượng Nữ nói: Xá-lợi-phất bảo Nguyệt Thượng Nữ rằng: “Nay người muốn đi đâu?” Nguyệt Thượng Nữ đáp: “Ông hỏi nay muốn hưởng đến nơi nào đi thì tôi nay cũng như Xá-lợi-phất đi, mà đi như vậy đi”. Xá-lợi-phất bảo Nguyệt Thượng Nữ rằng: “Nay ta muốn vào thành Tỳ-xá-ly, nay người muốn đi đến đó chẳng? Cớ sao bảo là nay tôi là như Xá-lợi-phất đi, làm như vậy đi?” Khi ấy Nguyệt Thượng Nữ lại nói cùng Xá-lợi-phất rằng: “Nhưng Xá-lợi-phất! giở chân đặt chân nương tựa nơi nào?” Xá-lợi-phất bảo: “Ta giở chân đặt chân đều nương tựa hư không”. Nguyệt Thượng Nữ nói: “Tôi cũng như vậy, giở chân đặt chân đều nương tựa hư không mà hư không giới chẳng mà đi phân biệt, cho nên tôi nói cũng như Xá-lợi-phất đi, làm như vậy đi”. Nguyệt Thượng Nữ lại nói: “Xá-lợi-phất! Việc ấy tạm vậy, nay Xá-lợi-phất hành hạnh gì?” Xá-lợi-phất đáp: “Ta hưởng Niết-bàn mà hành như vậy”. Nguyệt Thượng Nữ nói: “Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp há chẳng hưởng Niết-bàn hạnh vậy? Nay tôi cũng hưởng mà hành vậy”. Xá-lợi-phất hỏi Nguyệt Thượng Nữ: “Nếu tất cả pháp hưởng Niết-bàn là nay người sao chẳng diệt độ?” Nguyệt Thượng Nữ đáp: “Xá-lợi-phất! Nếu hưởng Niết-bàn tức chẳng diệt độ. Tại sao? Hạnh Niết-bàn đó chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thể được thấy, thể không phân biệt, là

không thể diệt độ”. Giải thích: Hạnh Niết-bàn đó chẳng sinh chẳng diệt tức là nghĩa của tự tâm vô sinh, giả sử ngàn đường ra vào, nhưng chẳng lìa môn Niết-bàn. Nhậm muôn pháp ngang dọc đâu vượt khỏi đạo vô sinh. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

*“Phật tử trụ địa này  
Tức là Phật thọ dụng  
Thường ở tại trong đó  
Kinh hành và ngồi nằm”.*

Như điều thuật trên tựa như trái nghịch, chánh ý của bản đều là tâm kích phát, giống như lửa trong đá, nếu không người đánh gõ, ngàn năm muôn năm chỉ thành ngoan thạch trọn chẳng thành lửa dùng. Như trong Khổng tử Gia Ngữ nói: “Khổng tử nói: “Thuốc tốt đắng miệng, mà lợi ở bệnh, nói ngay thẳng thì trái nghịch tai mà lợi ở hành (làm)”. Thang Võ dùng ngay thẳng mà xưng thạnh, Kiệt, Trụ dùng dạ dạ mà mất. Vua không ngăn tôi, cha không ngăn con, anh không ngăn em, kẻ sĩ không ngăn bạn, không lỗi ấy thì điều đó chưa từng có, nên nói: “Vua mất đó mà tôi được đó, cha mất đó mà con được đó, anh mất đó mà em được đó, mình mất đó mà bạn được đó. Cho nên nước nhà không điềm nguy mất, gia đình không xấu ác bội nghịch, cha con anh em không mất mà bè bạn không tuyệt vậy”. Nay trong Tông Kính tuy dẫn rộng lời thiết tha mà đều vì hàng hậu học thành tựu pháp, đều khiến chừa ác theo thiện kính mộ đạo tiến tu. Khiến pháp luật nước nhà không bề tôi trái đạo, khiến trong nhà Đại thừa tuyệt dứt con tà kiến. Vì vậy, Bồ-tát tuy năng tự lợi, lại là chê trách kẻ khác, thường vì chúng sinh mà làm bạn chẳng thỉnh mời. Nên trong kinh Thắng Man nói: “Vì gồm nhận chiết phục nên khiến Phật pháp trú lâu nơi đời”. Do đó, Quy Sơn có văn cảnh sách, không gì chẳng khổ (đắng) miệng, Tịnh Danh ra sức chê trách, đều phá chấp tâm, như trong Phật pháp có ngăn cãi bạn thì đạo bạn học Bát-nhã gìn giữ không lỗi lầm, nên trong kinh thư nói: “Nói ta xấu là Thầy ta, nói ta tốt là giặc ta”. Lại nói: “Trong ba người đồng đi hẳn có bậc thầy của ta vậy”. Huống gì trong Phật pháp học nhân tốt xuất thế, sao chẳng nương thầy giỏi ư? Nay ở trong môn sơ có trợ đạo, văn Tông Kính đây rất giúp sức quán, hiện chứng ngay lời nói, tu tuệ chóng thành. Như nói: “lời đạo ngày một bớt, vì học ngày một thêm”. Bớt là bớt ở tình dục, thêm là thêm ở thấy biết, chẳng đồng các sư ngoại đạo và người học lời Đại thừa nói. Miệng tuy nói không, mà chẳng tổn bớt phiền não. Đây chẳng phải khéo đạt chánh pháp, mà đều là ác thủ tà không, chỉ hạng pháp khí viên cơ mới có thể tin nhận, kham than người



tà kiến dơ nặng, nghe cũng chẳng tin. Như trong Sớ nói: “Trải qua ngàn Đức Phật mà chẳng sợ, đốt vạn ngọn đèn mà chẳng sáng”. Giải thích: trong Mười phương vô lượng thế giới chúng sinh, Phật hương về trong thân mà xuất gia thành đạo giảng pháp độ sinh, chúng sinh đều chẳng hay biết, đều do vô minh mê tánh bản giác, chẳng biết xuất hiện trong Như Lai tạng. Như Lai tạng tức là thức thứ tám của chúng sinh. Nên nói trải qua ngàn Đức Phật mà chẳng sợ vì không biết tức tâm là Phật vậy. Lại như trong nhà có một người khách say, có trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng mà chẳng thể tỉnh. Thí dụ nghe pháp mà chẳng biết lý đó, chẳng thể nhiếp thân, đều không tỉnh ngộ, nên nói đốt vạn ngọn đèn mà chẳng sáng. Sáng là tỏ rõ vậy. Dùng gì làm đèn? Tức trí phương tiện làm đèn, chiếu thấy cảnh giới tâm.